

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

---

Tên chương trình: **Cử nhân ngành NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **NGÔN NGỮ HÀN QUỐC (Korean Language)**

Mã số : **7220210**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp : **Cử nhân ngành NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**

## 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.
- Đào tạo những cử nhân ngôn ngữ Hàn Quốc có đủ kiến thức cần thiết về đất nước học Hàn Quốc; có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Hàn, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.
- Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành ngôn ngữ Hàn Quốc có năng lực giảng dạy tiếng Hàn tại các trường phổ thông, các trung tâm Hàn ngữ, hoặc làm việc tại các công ty dịch thuật, thương mại, du lịch, nhà hàng, khách sạn, các cơ quan văn hoá, giáo dục, du lịch, các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Hàn Quốc. Sinh viên có khả năng tiếp tục học lên cao ở trong nước hoặc ở ngoài nước bậc cao hơn thuộc ngành tương ứng.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân ngôn ngữ Hàn Quốc có thể:

- a) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành tiếng Hàn vào công việc, biết khai thác thông tin và cập nhật kiến thức ngoại ngữ phục vụ cho công việc.
- b) Vận dụng tốt những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực liên quan đến (Tiếng Hàn Kinh tế - Thương mại, Biên Phiên dịch-Du lịch ) mà sinh viên đã chọn học.
- c) Có kỹ năng giao tiếp tốt, kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết và quản lý công việc.
- d) Tự tin và chủ động trong công việc, chấp hành kỷ luật lao động, hiểu và tôn trọng văn hoá doanh nghiệp, hoạt động của nơi làm việc.

- e) Sinh viên có khả năng tự hoàn thiện, trau dồi và nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị, nghiệp vụ, các kỹ năng giao tiếp, phát triển các mối quan hệ xã hội.

### 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)				
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)	MT e)
<b>I. Kiến thức</b>						
1	Những kiến thức lý thuyết đại cương toàn diện để phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu của ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Kiến thức đại cương bao gồm: lý luận chính trị, khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.					X
2	Kiến thức chuyên nghiệp: kiến thức cơ sở, kiến thức cơ sở ngành chính và kiến thức chuyên sâu ngành chính	X	X	X	X	X
3	Kiến thức thực tế về văn hóa, văn minh, kinh tế, quản trị, thương mại, và xã hội của Hàn Quốc, được cung cấp kết hợp với kiến thức chuyên nghiệp, với những mục đích như: giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát và toàn diện; nắm được các thuật ngữ tiếng Hàn chuyên ngành cần thiết để có thể đọc và dịch được tài liệu chuyên ngành và làm việc trong môi trường quốc tế với các nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi tính độc lập và tự chủ; cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trong thực hành nghề nghiệp và kỹ năng trong giao tiếp ứng xử.	X	X	X	X	X
<b>II. Kỹ năng</b>						
1	Kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn (Nghe-Nói-Đọc-Viết) tương đương với cấp độ TOPIK 4 của kỳ thi Năng lực tiếng Hàn quốc tế (TOPIK), kỹ năng Biên-Phiên dịch, kỹ năng phân tích diễn ngôn, và kỹ năng về quản trị thương mại.	X	X	X	X	
2	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pháp) ở trình độ Bậc 3 theo khung năng lực Ngoại ngữ của Việt Nam.					X

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)				
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)	MT e)
3	Kỹ năng cần thiết cho cuộc sống và công việc: phản biện, phê phán, phân tích, tổng hợp, đánh giá, truyền đạt, làm việc độc lập, làm việc nhóm, giám sát, lập kế hoạch, và điều hành.	X	X	X		X
4	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử để giúp sinh viên có khả năng làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu: trình bày, truyền đạt, và thương thuyết.	X	X		X	X
5	Kỹ năng tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.		X	X	X	
<b>III. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>						
1	Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với cá nhân và với nhóm; có ý thức cộng đồng; sống và làm việc theo pháp luật.					X
2	Có tinh thần tự chủ và độc lập: biết định hướng, hướng dẫn, giám sát, đánh giá, và bảo vệ quan điểm cá nhân.				X	
3	Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần cầu tiến, ý thức tổ chức kỷ luật để có thể làm việc trong môi trường áp lực cao.					X
4	Có thái độ hợp tác, chia sẻ, nhiệt tình, và chuyên nghiệp trong công việc (ý thức tổ chức, lập kế hoạch, v.v.).					X
5	Có tinh thần sẵn sàng hòa nhập vào môi trường làm việc quốc tế và đa văn hóa, sẵn sàng tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của văn hóa Hàn Quốc, cũng như giữ gìn và giới thiệu với bạn bè quốc tế về văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam và tôn trọng các giá trị đa văn hóa.			X	X	X
<b>IV. Chuẩn đầu ra Tin học</b>						
1	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.					
<b>V. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận</b>						

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)				
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)	MT e)
1	<p><b>Biên phiên dịch – Du lịch</b></p> <p>-Chuyên viên biên phiên dịch cho các hãng thông tấn báo chí, các nhà xuất bản, cơ quan ngoại giao và doanh nghiệp.</p> <p>-Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các tổ chức có sử dụng tiếng Hàn trong giao dịch kinh doanh.</p> <p>-Tham gia công tác biên dịch, lễ tân, thư kí và nhân viên văn phòng cho các công ty, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế.</p>	x	x	x	x	x
2	<p><b>Kinh tế - Thương mại</b></p> <p>-Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các tổ chức, công ty, văn phòng đại diện, cơ quan có sử dụng tiếng Hàn trong giao dịch kinh doanh.</p> <p>-Chuyên viên quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt Nam và quốc tế.</p> <p>-Trợ lý/ Thư ký giám đốc.</p>	x	x	x	x	X
3	<p><b>Giảng dạy tiếng Hàn</b></p> <p>- Giảng dạy tiếng Hàn, trợ lý, thư ký học thuật tiếng Hàn (thiết kế bài giảng, thiết kế chương trình, chọn giáo trình), tư vấn, điều phối các lớp tiếng Hàn ở các trường Đại học, trường phổ thông, trung tâm ngoại ngữ, các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và các công ty.</p> <p>- Nghiên cứu viên về Hàn Quốc và giáo dục tiếng Hàn ở các trường, viện, và cơ sở giáo dục</p>	x	x	x	x	x

**2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm

**3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 130 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 127 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết).

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I. Kiến thức đại cương</b>		<b>44</b>	<b>32 %</b>
I.1.	Khoa học	6	
I.2.	Ngoại ngữ 2	16	
I.3.	Tin học	3	
I.4.	Luật	3	
I.5.	Chính trị	10	
I.6.	Kỹ năng	6	
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>83</b>	<b>64 %</b>
II.1.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	71	
II.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12	
<b>III. Kiến thức không tích lũy</b>		<b>3</b>	<b>2 %</b>
III.1	Giáo dục thể chất	3	
III.2	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>130</b>	<b>100%</b>

Chương trình chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>44</b>						
<b>I.1. Khoa học</b>			<b>6</b>						
I.1.01	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3					
I.1.02	SOC1101	Xã hội học	3	3					
<b>I.2. Ngoại ngữ 2</b>			<b>16</b>						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
	<i>Sinh viên có thể chọn 1 trong 3 nhóm dưới đây:</i>								
I.2.1	<b>Nhóm 1. Tiếng Anh</b>								
I.2.1.01	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	4					
I.2.1.02	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	4					
I.2.1.03	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	4					
I.2.1.04	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	4					
I.2.2	<b>Nhóm 2. Tiếng Nhật</b>								
I.2.2.01	JPN2101	Tiếng Nhật 1	4	4					
I.2.2.02	JPN2102	Tiếng Nhật 2	4	4			JPN2101		
I.2.2.03	JPN2103	Tiếng Nhật 3	4	4			JPN2102		
I.2.2.04	JPN2104	Tiếng Nhật 4	4	4			JPN2103		
I.2.2	<b>Nhóm 3. Tiếng Pháp</b>								
I.2.3.01	FRA2101	Tiếng Pháp 1	4	4					
I.2.3.02	FRA2102	Tiếng Pháp 2	4	4			FRA2101		
I.2.3.03	FRA2103	Tiếng Pháp 3	4	4			FRA2102		
I.2.3.04	FRA2104	Tiếng Pháp 4	4	4			FRA2103		
<b>I.3. Tin học</b>			<b>3</b>						
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1				
<b>I.4. Luật</b>			<b>3</b>						
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3					
<b>I.5. Chính trị</b>			<b>10</b>						
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2					
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3					
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3					
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
<b>I.6. Kỹ năng</b>			<b>6</b>						
I.6.01	SKI1107	Project design 1	3	3					
I.6.02	SKI1108	Project design 2	3	3			SKI1107		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>83</b>						
<b><i>II.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i></b>			<b>71</b>						
II.1.01	KOR1101	Nhập môn ngôn ngữ Hàn	3	3					
II.1.02	KOR1102	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 1	3	3					
II.1.03	KOR1103	Tiếng Hàn: Đọc 1	3	3					
II.1.04	KOR1104	Tiếng Hàn: Nghe 1	3	3					
II.1.05	KOR1105	Tiếng Hàn: Nói 1	3	3					
II.1.06	KOR1106	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 2	3	3					
II.1.07	KOR1107	Tiếng Hàn: Đọc 2	3	3					
II.1.08	KOR1108	Tiếng Hàn: Nghe 2	3	3					
II.1.09	<b>KOR1109K</b>	<b>Tiếng Hàn: Nói 2</b>	3	3					
II.1.10	KOR1110	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 3	3	3					
II.1.11	KOR1111	Tiếng Hàn: Đọc 3	3	3					
II.1.12	KOR1112	Tiếng Hàn: Nghe 3	3	3					
II.1.13	<b>KOR1113K</b>	<b>Tiếng Hàn: Nói 3</b>	3	3					
II.1.14	KOR1114	Tiếng Hàn: Ngữ pháp-Viết 4	3	3					
II.1.15	KOR1115	Tiếng Hàn: Đọc 4	3	3					
II.1.16	KOR1116	Tiếng Hàn: Nghe 4	3	3					
II.1.17	<b>KOR1117K</b>	<b>Tiếng Hàn: Nói 4</b>	3	3					
II.1.18	<b>KOR1118K</b>	<b>Tiếng Hàn: Viết nâng cao</b>	3	3					
II.1.19	<b>KOR1119K</b>	<b>Tiếng Hàn: Đọc nâng cao</b>	3	3					
II.1.20	<b>KOR1120K</b>	<b>Tiếng Hàn: Nghe nâng cao</b>	3	3					
II.1.21	<b>KOR1121K</b>	<b>Tiếng Hàn: Nói nâng cao</b>	3	3					
II.1.22	<b>KOR1122K</b>	<b>Quan hệ Việt-Hàn</b>	2	2					
II.1.23	KOR1123	Lịch sử Hàn Quốc	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
II.1.24	KOR1334	Thực tập tốt nghiệp	3				3		
<b>II.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong các chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp)</b>			<b>12</b>						
<b>II.2.1</b>	<b>Chuyên ngành Biên phiên dịch - Du lịch</b>								
II.2.1.01	KOR1124K	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	3	3					
II.2.1.02	KOR1125K	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	3	3					
II.2.1.03	KOR1126K	Kỹ thuật biên phiên dịch tiếng Hàn	3	3					
II.2.1.04	KOR1127K	Hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn	3	3					
II.2.1.05	KOR1435	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>II.2.2</b>	<b>Chuyên ngành Kinh tế - Thương mại</b>								
II.2.2.01	KOR1124K	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	3	3					
II.2.2.02	KOR1128K	Nghiệp vụ ngoại thương	3	3					
II.2.2.03	KOR1129K	Đàm thoại thương mại bằng tiếng Hàn	3	3					
II.2.2.04	KOR1130K	Kỹ năng viết Email bằng tiếng Hàn	3	3					
II.2.2.05	KOR1435	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>II.2.3</b>	<b>Chuyên ngành Giảng dạy tiếng Hàn</b>								
II.2.3.01	KOR1124K	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	3	3					
II.2.3.02	KOR1131K	Lý luận dạy học	3	3					
II.2.3.03	KOR1132K	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3					
II.2.3.04	KOR1133K	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn	3	3					
II.2.3.05	KOR1435	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
<b>III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>			<b>3</b>						
<b>III.1</b>	<b>Giáo dục thể chất</b> (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)		3		3				
<b>III.1.1</b>	<b>Nhóm 1:</b>								
III.1.1.01	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	1		1				
III.1.1.02	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	1		1				
III.1.1.03	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	1		1				
<b>III.1.2</b>	<b>Nhóm 2:</b>								
III.1.2.01	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	1		1				
III.1.2.02	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	1		1				
III.1.2.03	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	1		1				
<b>III.1.3</b>	<b>Nhóm 3:</b>								
III.1.3.01	GYM1331	GDTC - Boxing 1	1		1				
III.1.3.02	GYM1332	GDTC - Boxing 2	1		1				
III.1.3.03	GYM1333	GDTC - Boxing 3	1		1				
<b>III.1.4</b>	<b>Nhóm 4:</b>								
III.1.4.01	GYM1341	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1	1		1				
III.1.4.02	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	1		1				
III.1.4.03	GYM1343	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3	1		1				
<b>III.2</b>	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)							

*Ghi chú:* Mã MH ký hiệu **xxxxxxxK** – môn giảng dạy bằng tiếng Hàn Quốc.